TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **172/**2017/DS-ST
Ngày: 23-8-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Minh Tường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Bạch.

Ông Văn Kiều.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Võ Cao Hoàng Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2016/TLST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 157/2017/QĐST-DS-HPT ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Phúc H,** sinh năm 1967 (Vắng mặt);
Thường trú: Số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Đinh Bảo Tr (**Có mặt);
Địa chỉ thường trú của bà Tr: phường Đ, thành phố E, tỉnh Bình Thuận;
Địa chỉ liên lạc của ông H và bà Tr: Số G đường H, Phường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Y,** sinh năm 1964 (Vắng mặt);
Thường trú: Số L đường M, Phường N, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:* Ông **Tôn Tấn L**, sinh năm 1988 (Có mặt);
Thường trú: Số O ấp P, xã Q, huyện R, tỉnh Bến Tre;
Địa chỉ tạm trú và chỗ ở hiện nay của ông Lợi: Số S đường T, Phường U, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 11 tháng 11 năm 2016, ông Trần Phúc H (sau đây gọi tắt là ông H) có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 5 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Xuân Y (sau đây gọi tắt là bà Y) trả cho ông 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) vốn vay và 88.800.000 đồng (Tám mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng) tiền lãi tạm tính đến tháng 11 năm 2016.

Tại đơn khởi kiện của ông H và quá trình giải quyết vụ án bà Đinh Bảo Tr (sau đây gọi tắt là bà Tr) là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09 tháng 7 năm 2013, ông H cho bà Y vay số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), việc vay tiền này giữa ông H và bà Y có lập Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Chợ Lớn, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh công chứng chúng thực ngày 09 tháng 7 năm 2013, Số công chứng: 007422 Quyển số 04 TP/VPCC-SCC/HĐGD. Theo nội dung của hợp đồng hai bên đã thỏa thuận về thời hạn vay là 03 (Ba) tháng kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2013 đến ngày 09 tháng 10 năm 2013 với lãi suất là 1,5 %/ 01 tháng, trả lãi suất hàng tháng. Tuy nhiên khi đến hạn thanh toán ông H đến liên hệ với bà Y để yêu cầu bà Y trả nợ nhưng bà Y đã bỏ đi khỏi nơi cư trú để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ông H không biết bà Y ở đâu nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Y. Tòa án nhân dân Quận 5 đã giải quyết việc dân sự về việc "Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú" đối với bà Y theo Quyết định giải quyết việc dân sự số: 26/2016/QĐDS-ST-V ngày 11 tháng 3 năm 2016 đã thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Y nhưng đến nay vẫn không biết được tin tức của bà Y hiện nay đang ở đâu. Từ khi nhận được tiền vay cho đến nay bà Y chưa trả cho ông H bất cứ khoản tiền nào kể cả vốn vay và tiền lãi.

Ông H yêu cầu Tòa án buộc bà Y trả 160.000.000 đồng vốn vay và tiền lãi tạm tính đến tháng 11 năm 2016 là 88.800.000 đồng (160.000.000 đồng x 1,5%/ 01 tháng x 37 tháng = 88.800.000 đồng). Tổng số tiền ông H yêu cầu Tòa án buộc bà Y phải thanh toán (phải trả nợ) tạm tính đến tháng 11 năm 2016 là 248.800.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng).

Ông H yêu cầu bà Y phải thanh toán số tiền nêu trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục yêu cầu bà Y trả lãi cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Y không đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không đến tham gia các phiên hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không ghi được ý kiến của bà Y.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng là ông Tôn Tấn L (sau đây gọi tắt là ông L) trình bày:

Vào ngày 09 tháng 7 năm 2013, ông L có chứng kiến và tham gia làm chứng việc ông H cho bà Y vay số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Việc giao nhận tiền vốn vay giữa ông H và bà Y được diễn ra tại nhà bà Y ở địa chỉ số L đường M, Phường N, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi nhận

tiền bà Y đã kiểm đếm và xác nhận là đã nhận đủ 160.000.000 đồng vốn vay, ngay sau đó giữa ông H và bà Y có lập biên bản giao nhận tiền nhờ ông L làm chứng rồi cả ba người cùng ký tên xác nhận vào biên bản giao nhận tiền lập ngày 09 tháng 7 năm 2013. Ông L cam đoan lời trình bày của ông là đúng sự thật và sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời đã trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là ông H do bà Tr là người đại diện có thay đổi yêu cầu về khoản tiền lãi, cụ thể: Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền và theo nội dung đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông H yêu cầu bà Y trả tiền lãi 1,5%/ 01 tháng. Nay ông H nhận thấy yêu cầu trả tiền lãi này là cao nên tại phiên tòa hôm nay ông H chỉ yêu cầu bà Y trả lãi 1,125%/ 01 tháng. Thời gian yêu cầu trả lãi kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2013 đến hết ngày 23 tháng 8 năm 2017 là 04 năm 01 tháng 15 ngày (49,5 tháng). Về yêu cầu trả vốn vay, ông H vẫn giữ nguyên như yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Ông H yêu cầu Tòa án buộc bà Y trả 160.000.000 đồng vốn vay và tiền lãi tạm tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm vụ án (hết ngày 23 tháng 8 năm 2017) là 89.100.000 đồng (160.000.000 đồng x 1,125%/ 01 tháng x 49,5 tháng = 89.100.000 đồng). Tổng số tiền ông H yêu cầu Tòa án buộc bà Y phải thanh toán (phải trả nợ) tính đến hết ngày 23 tháng 8 năm 2017 là 249.100.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm ngàn đồng). Ông H yêu cầu bà Y phải trả số tiền này một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; trường hợp bà Y không thực hiện nghĩa vụ thanh toán (không thực hiện nghĩa vụ trả nợ) cho ông H như nội dung bản án của Tòa án đã tuyên thì ông H yêu cầu Tòa án buộc bà Y phải trả thêm cho ông H khoản tiền lãi chậm trả trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

Ông H tự nguyện không yêu cầu bà Y trả tiền lãi trong khoảng thời gian kể từ sau ngày Tòa án tuyên án sơ thẩm (kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2017) đến ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án.

Bị đơn là bà Y vắng mặt tại phiên tòa nên không rõ ý kiến.

Người làm chứng là ông L trình bày: Ông L xác nhận vào ngày 09 tháng 7 năm 2013 ông L có chứng kiến việc ông H cho bà Y vay số tiền 160.000.000 đồng, ông H đã giao đủ tiền cho bà Y, bà Y nhận tiền kiểm đếm và xác nhận là đã nhận đủ tiền vốn vay; sau khi giao nhận tiền xong hai bên có lập biên bản giao nhận tiền, cả ông H và bà Y đều nhờ ông L làm chứng rồi cả ba cùng ký tên xác nhận vào biên bản giao nhận tiền lập ngày 09 tháng 7 năm 2013. Địa điểm ông H và bà Y giao nhận tiền vay cho nhau là tại nhà của bà Y ở địa chỉ số L đường M, Phường N, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa, ông L cam đoan lời trình bày của ông là đúng sự thật và sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời đã trình bày.

Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*:* Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dân sự gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng

bị đơn là bà Y vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tống đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật (đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39, 48, 68, 97, 171, 175, 177, 178, 210 và 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định.

Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vắng mặt bị đơn sau khi đã tống đạt hợp lệ cho đương sự là đúng thủ tục tố tụng.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, tại phiên tòa người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa, thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự tại phiên tòa.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, người làm chứng và căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm năm 2005, Pháp lệnh về án phí, lệ phi Tòa án và Điều 4 của Hợp đồng vay tiền để xét xử vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thời hiệu giải quyết vụ án và thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn cư trú tại Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 5 theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; các khoản 1, 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Đối với quan hệ tranh chấp của vụ án trước đây đã được ông H khởi kiện bà Y ra Tòa án nhân dân Quận 5 theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 07 năm 2014 và được Tòa án nhân dân Quận 5 thụ lý vụ án số: 146/2014/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2014, sau đó vụ án bị đình chỉ theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 12/2015/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2015 do chưa đủ điều kiện khởi kiện vì lý do bà Y không còn cư trú ở Quận 5 và không rõ nơi cư trú của bà Y ở đâu (đình chỉ vụ án do không đủ điều kiện khởi kiện). Sau khi vụ án bị đình chỉ, ông H đã yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 5 giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu "Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú" đối với bà Y để bổ túc hồ sơ khởi kiện lại đối với bà Y. Tòa án nhân dân Quận 5 đã giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của ông H và tại Quyết định giải quyết việc dân sự số: 16/2016/QĐDS-ST-V ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận 5 đã ra Thông báo tìm kiếm người văng mặt tại nơi cư trú đối với bà Y. Ông H bổ túc hồ sơ đầy đủ và khởi kiện lại bà Y trong vụ án này theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2016. Như vậy, kể từ khi biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm (ngày 10 tháng 10 năm 2013) đến khi ông H khởi kiện bà Y lần đầu rà Tòa án ngày 07 tháng 7 năm 2014 thì thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 427 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dân sự gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà Y theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Y vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ gồm:

Hợp đồng vay tiền lập ngày 09 tháng 7 năm 2013 tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã được ông H và bà Y ký kết có công chứng chứng nhận, số công chứng: 007422 Quyển số 04 TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Văn phòng công chứng Chợ Lớn, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Biên bản giao nhận tiền lập ngày 09 tháng 7 năm 2013 giữa bên giao tiền là ông Trần Phúc H bên nhận tiền là bà Nguyễn Thị Xuân Y và người làm chứng là ông Tôn Tấn L; cả ông H, bà Y và ông L đều ký tên xác nhận vào biên bản giao nhiện tiền này.

Các chứng cứ nêu trên do nguyên đơn cung cấp bản chính cho Tòa án xem xét, Tòa án đã kiểm tra đối chiếu đúng với bản chính.

Bị đơn là bà Y đã không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án thì coi như là bà Y đã từ bỏ quyền được

cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn, người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Bà Y có vay của ông H số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền lập ngày 09 tháng 7 năm 2013 tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã được ông H và bà Y ký kết có công chứng chứng nhận, số công chứng: 007422 Quyển số 04 TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Văn phòng công chứng Chợ Lớn, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh là có thật.

Ông H xác nhận và cam đoan kể từ khi nhận tiền vay cho đến nay bà Y chưa trả cho ông H khoản tiền nào kể cả vốn vay và tiền lãi.

Bà Y đã vi phạm các điều khoản và thỏa thuận của Hợp đồng vay tiền, vi phạm nghĩa vụ thanh toán vốn vay và trả tiền lãi, nên bà Y phải trả lại tiền vốn vay và trả tiền lãi cho ông H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H yêu cầu bà Y trả 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) vốn vay và trả tiền lãi hàng tháng trong khoảng thời gian kể từ ngày 09 tháng 7 năm 2013 đến hết ngày 23 tháng 8 năm 2017 là 04 năm 01 tháng 15 ngày (49,5 tháng) theo mức lãi suất là 1,125%/ 01 tháng với tiền lãi là 89.100.000 đồng (160.000.000 đồng x 1,125%/ 01 tháng x 49,5 tháng = 89.100.000 đồng). Tổng số tiền ông H yêu cầu bà Y phải thanh toán (phải trả nợ) trong vụ án này là 249.100.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm ngàn đồng), yêu cầu này của ông H là có căn cứ phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa ông H tự nguyện không yêu cầu bà Y trả tiền lãi trong khoảng thời gian kể từ sau ngày Tòa án tuyên án sơ thẩm (kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2017) đến ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện này của ông H được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông H.

[3] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự có giá ngạch số tiền là 12.455.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 1 và Điều 2 Nghị quyết số: 103/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; các khoản 1, 3 Điều 36 ; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 48, 144, 147, 184, 227, 228, 229, 232, 235, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 159 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011;

Áp dụng các Điều 388, 401, 402, 403, 404, 405, 412, 427, 471, 472, 473, 474, 476 và 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phúc H.

Buộc bà Nguyễn Thị Xuân Y phải thanh toán (phải trả nợ) cho ông Trần Phúc H số tiền là **249.100.000 đồng** {(Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm ngàn đồng), trong số tiền này có 160.000.000 đồng vốn vay và 89.100.000 đồng tiền lãi} theo Hợp đồng vay tiền lập ngày 09 tháng 7 năm 2013 tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã được ông Trần Phúc H và bà Nguyễn Thị Xuân H ký kết có công chứng chứng nhận, số công chứng: 007422 Quyển số 04 TP/VPCC-SCC/HĐGD ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Văn phòng công chứng Chợ Lớn, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh và Biên bản giao nhận tiền lập ngày 09 tháng 7 năm 2013 giữa bên cho vay (bên giao tiền) là Trần Phúc H, bên vay tiền (bên nhận tiền) là bà Nguyễn Thị Xuân Y và người làm chứng là ông Tôn Tấn L.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Phúc H về việc ông Trần Phúc H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân Y trả tiền lãi trong khoảng thời gian kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm (kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2017) đến ngày ông Trần Phúc Hán có đơn yêu cầu thi hành án.

Việc thanh toán tiền do bà Nguyễn Thị Xuân Y và ông Trần Phúc H tự thực hiện hoặc được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự (Chi cục Thi hành án dân sự) có thẩm quyền.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Xuân Y không thanh toán khoản tiền nêu trên cho ông Trần Phúc H thì ông Trần Phúc H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự

(Chi cục Thi hành án dân sự) có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Xuân Y phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.455.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng), để sung quỹ Nhà nước.

Ông Trần Phúc H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.220.000 đồng (Sáu triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2012/07806 ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo và việc thi hành bản án:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Lưu Văn phòng và Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tường